



PHÁP LỆNH
BẢO VỆ
VÀ
KIỂM DỊCH THỰC VẬT



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PHÁP LỆNH
BẢO VỆ
VÀ
KIỂM DỊCH THỰC VẬT

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2001

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 11/2001/L- CTN

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2001

LỆNH CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC
Về việc công bố Pháp lệnh

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 78 của Luật Tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 51 của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

NAY CÔNG BỐ:

Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật

Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng

hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X thông qua
ngày 25-7-2001.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRẦN ĐỨC LƯƠNG

Số 36/2001/PL-
UBTVQH10

PHÁP LỆNH BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật, góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp hiện đại, bền vững, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, bảo vệ môi trường và giữ gìn cân bằng hệ sinh thái;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 8 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2001.

Pháp lệnh này quy định về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Bảo vệ và kiểm dịch thực vật quy định trong Pháp lệnh này bao gồm việc phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

Điều 2.

Pháp lệnh này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng tài nguyên thực vật và các hoạt động khác có liên quan đến việc bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì áp dụng theo điều ước quốc tế.

Điều 3.

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài nguyên thực vật* bao gồm thực vật có ích và sản phẩm thực vật có ích.

2. *Sinh vật gây hại* bao gồm vi sinh vật, sâu bệnh, cỏ dại, chuột và các sinh vật khác gây hại tài nguyên thực vật.

3. *Sinh vật gây hại* là những sinh vật gây hại chứa được xác định trên cơ sở khoa học và chưa từng được phát hiện ở trong nước.

4. *Sinh vật có ích* bao gồm nấm, côn trùng, động vật và các sinh vật khác có tác dụng hạn chế tác hại của sinh vật gây hại đối với tài nguyên thực vật.

5. *Đối tượng kiểm dịch thực vật* là loại sinh vật gây hại có tiềm năng gây tác hại nghiêm trọng tài nguyên thực vật trong một vùng mà ở đó loại sinh vật này chưa xuất hiện hoặc xuất hiện có phân bố hẹp.

6. *Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật* là thực vật, sản phẩm thực vật, phương tiện sản xuất, bảo quản, vận chuyển hoặc những vật thể khác có khả năng mang đối tượng kiểm dịch thực vật.

7. *Chủ tài nguyên thực vật* là tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc trực tiếp quản lý tài nguyên thực vật đó.

8. *Chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật* là tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc trực tiếp quản lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đó.

9. *Thuốc bảo vệ thực vật* là chế phẩm có nguồn gốc từ hoá chất, thực vật, động vật, vi sinh vật và các chế phẩm khác dùng để phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật.

10. *Giống cây* bao gồm hạt, củ, cây, bộ phận của cây hoặc các sinh chất khác được dùng làm giống.

11. *Giống cây nhập nội* là giống cây được nhập từ nước ngoài vào để nghiên cứu, gieo trồng trong nước.

Điều 4.

Bảo vệ và kiểm dịch thực vật được thực hiện theo các nguyên tắc:

1. Phòng là chính, phát hiện, diệt trừ phải kịp thời, triệt để; bảo đảm hiệu quả phòng, trừ sinh vật gây hại, an toàn sức khoẻ cho người; hạn chế ô nhiễm môi trường, giữ gìn cân bằng hệ sinh thái;

2. Kết hợp giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội;

3. Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, kết hợp giữa khoa học và công nghệ hiện đại với kinh nghiệm trong nhân dân.

Điều 5.

Nhà nước tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư trong việc phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật.

Nhà nước khuyến khích đầu tư nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học ít gây độc hại và các biện pháp phòng trừ tổng hợp.

Điều 6.

Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội

- nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định của Pháp lệnh này.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 7.

Nghiêm cấm mọi hành vi gây hại tài nguyên thực vật, sức khỏe nhân dân, môi trường và hệ sinh thái.

Chương II

PHÒNG, TRỪ SINH VẬT GÂY HẠI TÀI NGUYÊN THỰC VẬT

Điều 8.

Việc phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật phải được thực hiện thường xuyên, đồng bộ, kịp thời trong các hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, sản xuất, khai thác, chế biến, bảo quản, buôn bán, sử dụng, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh và các hoạt động khác liên quan đến tài nguyên thực vật.

Điều 9.

Việc phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật bao gồm:

1. Điều tra; phát hiện, dự tính, dự báo và thông báo về khả năng, thời gian phát sinh, diện phân bố, mức độ gây hại của sinh vật gây hại;
2. Quyết định và hướng dẫn thực hiện biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại;
3. Hướng dẫn việc áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào việc phòng, trừ sinh vật gây hại.

Điều 10.

Chủ tài nguyên thực vật có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thông báo tình hình sinh vật gây hại trong vùng và hướng dẫn thực hiện biện pháp phòng, trừ;
2. Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng, trừ sinh vật gây hại;
3. Báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật khi phát hiện sinh vật gây hại có khả năng gây tác hại nghiêm trọng đối với tài nguyên thực vật;
4. Áp dụng các biện pháp phù hợp với khả năng của mình để phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực

vật có hiệu quả, không để lây lan, phá hại tài nguyên thực vật của người khác.

5. Áp dụng kịp thời các biện pháp phòng, trừ để bảo vệ tài nguyên thực vật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 11.

1. Khi có dấu hiệu sinh vật gây hại có khả năng phát triển thành dịch thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải nhanh chóng tiến hành xác định và hướng dẫn chủ tài nguyên thực vật thực hiện biện pháp phòng, trừ kịp thời.

2. Khi sinh vật gây hại phát triển nhanh, mật độ cao, trên diện rộng, có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng tài nguyên thực vật trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định công bố dịch và báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp vùng dịch thuộc phạm vi từ hai tỉnh trở lên thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định công bố dịch và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 12.

Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khi có quyết định công bố dịch:

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương có dịch nhanh chóng dập tắt dịch, ngăn ngừa dịch lây lan sang các vùng khác; căn cứ mức độ nghiêm trọng của dịch mà quyết định hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng các biện pháp cần thiết để dập tắt dịch;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có dịch phải tổ chức chỉ đạo các cơ quan hữu quan phối hợp với các tổ chức xã hội, huy động nhân dân trong vùng có dịch thực hiện ngay các biện pháp hữu hiệu để dập tắt dịch và ngăn ngừa dịch lây lan sang vùng khác. Căn cứ vào tính chất nguy hiểm, mức độ lây lan của dịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân nơi có dịch báo cáo cấp trên trực tiếp để áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm dập tắt dịch, khắc phục hậu quả và phòng tránh dịch tái diễn.

3. Chủ tài nguyên thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan ở nơi có dịch phải thực hiện các biện pháp để dập tắt dịch theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Khi hết dịch, người có thẩm quyền đã ra quyết định công bố dịch bãi bỏ quyết định công bố dịch đó.

Điều 13.

Nghiêm cấm những hành vi sau đây:

1. Sử dụng những biện pháp bảo vệ thực vật có khả năng gây nguy hiểm cho người, cho sinh vật có ích và huỷ hoại môi trường, hệ sinh thái;

2. Có khả năng áp dụng mà không áp dụng các biện

pháp ngăn chặn để sinh vật gây hại lây lan thành dịch, huỷ diệt tài nguyên thực vật;

3. Đưa những sản phẩm có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật quá giới hạn cho phép vào buôn bán, sử dụng;

4. Nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, buôn bán, sử dụng giống cây bị nhiễm sâu bệnh nặng hoặc mang sâu bệnh nguy hiểm.

Chương III

KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 14.

1. Công tác kiểm dịch thực vật phải bảo đảm phát hiện và kết luận chính xác, nhanh chóng, kịp thời tình hình nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật của các vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

2. Công tác kiểm dịch thực vật bao gồm:

a) Thực hiện các biện pháp kiểm tra vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

b) Quyết định biện pháp xử lý thích hợp đối với vật thể nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật;

c) Giám sát, xác nhận việc thực hiện các biện pháp xử lý;

d) Điều tra, theo dõi, giám sát tình hình sinh vật gây hại trên giống cây nhập nội và sản phẩm thực vật lưu trữ trong kho;

đ) Phổ biến, hướng dẫn phương pháp phát hiện, nhận biết đối tượng kiểm dịch thực vật, thể lệ và biện pháp kiểm dịch thực vật.

3. Cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật được trang bị các phương tiện cần thiết và hiện đại để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 15.

Trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định và công bố Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật. Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Điều 16.

Chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải theo dõi tình trạng nhiễm sinh vật gây hại ở vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của mình.

Khi phát hiện hoặc nghi ngờ có đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc danh mục đã công bố hoặc sinh vật gây hại lạ thì chủ vật thể phải áp dụng các biện pháp cần thiết để diệt trừ và ngăn chặn sự lây lan, đồng thời báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất.

Điều 17.

1. Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc danh mục đã công bố hoặc sinh vật gây hại lạ thì cơ

quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải quyết định các biện pháp để bao vây, tiêu diệt đối tượng đó và yêu cầu chủ vật thể phải thực hiện ngay các biện pháp này.

2. Trường hợp đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lây lan thành dịch thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải báo ngay với cơ quan có thẩm quyền để quyết định công bố dịch theo quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh này.

Điều 18.

1. Việc kiểm dịch thực vật được tiến hành đối với tất cả vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập.

2. Trong trường hợp phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật thì được xử lý như sau:

a) Nếu vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật chưa có trên lãnh thổ Việt Nam mà thuộc Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam thì không được phép nhập khẩu và phải trả về nơi xuất xứ hoặc tiêu hủy;

b) Nếu vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật có phân bố hẹp trên lãnh thổ Việt Nam mà thuộc Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam hoặc những sinh vật gây hại lạ khác thì trước khi đưa vào nội địa phải thực hiện các biện pháp xử lý triệt để

do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật quyết định.

3. Trong trường hợp chưa đủ điều kiện để kết luận về tình trạng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật của vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật thì phải được bảo quản nghiêm ngặt ở một địa điểm quy định. Trong thời hạn theo quy định của Chính phủ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải có kết luận để vật thể đó được phép sử dụng hoặc bị xử lý theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 19.

1. Sinh vật có ích, tài nguyên thực vật nhập nội để làm giống hoặc có thể được sử dụng làm giống phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật kiểm tra, giám sát và theo dõi chặt chẽ theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

2. Sinh vật có ích, tài nguyên thực vật được nhập nội để làm giống hoặc có thể được sử dụng làm giống khi vận chuyển từ địa phương này đến địa phương khác thì chủ vật thể phải thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của địa phương nơi đến để theo dõi, giám sát.

3. Giống cây trồng mới, lần đầu tiên nhập khẩu phải được gieo trồng ở một nơi quy định để theo dõi tình hình sinh vật gây hại, chỉ sau khi được cơ quan nhà

nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật kết luận không mang đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam mới được đưa vào sản xuất.

Điều 20.

1. Việc kiểm dịch thực vật được tiến hành đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật xuất khẩu nếu trong hợp đồng mua bán hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có quy định phải kiểm dịch.

2. Trong trường hợp vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật sau khi thực hiện các biện pháp xử lý mà vẫn không đạt tiêu chuẩn kiểm dịch thực vật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.

Điều 21.

Tổ chức, cá nhân trước khi đưa vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và phải được áp dụng các biện pháp ngăn chặn sinh vật gây hại nguy hiểm từ vật thể đó lây lan vào Việt Nam. Trong trường hợp xảy ra lây lan thì chủ vật thể phải báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Việt Nam nơi gần nhất và phải thực hiện các biện pháp bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo

quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 22.

1. Tổ chức, cá nhân khi nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 20 và Điều 21 của Pháp lệnh này phải khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Việt Nam tại cửa khẩu đường bộ, đường xe lửa, đường sông, đường biển, đường hàng không, bưu điện và phải được cơ quan này kiểm dịch, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật nhận được giấy khai báo, căn cứ tính chất, số lượng, loại hàng hoá mà quyết định và thông báo cho chủ vật thể biết địa điểm, thời gian tiến hành kiểm dịch.

3. Việc kiểm dịch thực vật phải được tiến hành ngay sau khi vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được đưa đến địa điểm theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ kiểm dịch thực vật.

4. Chính phủ quy định cụ thể chế độ, tiêu chuẩn kiểm dịch thực vật đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh.

Điều 23.

Trường hợp vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ nước ngoài mà bị rơi vãi, vớt bỏ, để lọt vào Việt Nam, thì chủ vật thể hoặc người phát hiện phải báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Việt Nam nơi gần nhất để xử lý.

Điều 24.

Tổ chức, cá nhân thực hiện việc xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng phải có chứng chỉ hành nghề và các điều kiện khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 25.

Khi làm nhiệm vụ kiểm dịch, viên chức phải mang sắc phục, phù hiệu, cấp hiệu và thẻ kiểm dịch theo quy định của Chính phủ.

Điều 26.

Chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải trả phí và lệ phí bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật.

Điều 27.

Nghiêm cấm việc đưa vào Việt Nam hoặc làm lây lan giữa các vùng trong nước:

1. Đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc danh mục đã công bố;

2. Sinh vật gây hại lạ;
3. Đất có sinh vật gây hại.

Chương IV

QUẢN LÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Điều 28.

Thuốc bảo vệ thực vật là hàng hoá hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện. Nhà nước thống nhất quản lý việc sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, bảo quản, dự trữ, vận chuyển, buôn bán và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật.

Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với việc nghiên cứu, đầu tư, sản xuất kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học ít gây độc hại.

Điều 29.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

1. Quy định việc khảo nghiệm và đăng ký lưu hành thuốc bảo vệ thực vật mới ở Việt Nam;
2. Cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới, giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam;
3. Hàng năm công bố danh mục cụ thể thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng, thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng ở Việt Nam.

Điều 30.

1. Việc sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, dự trữ, bảo quản, vận chuyển, buôn bán, sử dụng và tiêu huỷ thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm an toàn cho người, cây trồng, vật nuôi và môi trường.

2. Trường hợp để thuốc bảo vệ thực vật rơi vãi, rò rỉ thì người gây ra hoặc người trực tiếp quản lý phải kịp thời áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật; nếu thuốc rơi vãi, rò rỉ với khối lượng lớn có thể gây hậu quả nghiêm trọng thì phải báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, cơ quan bảo vệ môi trường, chính quyền địa phương hoặc các cơ quan hữu quan biết để xử lý và phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Người phát hiện thuốc bảo vệ thực vật rơi vãi, rò rỉ phải báo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.

Điều 31.

1. Người trực tiếp quản lý, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật trong các lĩnh vực sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán phải có chứng chỉ hành nghề và các điều kiện khác theo quy định của Chính phủ.

2. Việc cấp giấy phép đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam phải có ý kiến bằng văn

bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Việc nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật chưa có trong danh mục được phép sử dụng để khảo nghiệm, để sử dụng trong các dự án đầu tư nước ngoài mà được phép dùng loại thuốc này và thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục hạn chế sử dụng thì phải có giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 32.

1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, có nhãn, nhãn hiệu được ghi đúng quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải đúng đối tượng, chủng loại, liều lượng, nồng độ quy định, đúng thời gian, thời hạn sử dụng, thời gian cách ly và phạm vi cho phép.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm an toàn cho người, cây trồng, vật nuôi, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường và chịu trách nhiệm về việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 33.

1. Thuốc bảo vệ thực vật bị tiêu hủy hoặc trả về nơi xuất xứ bao gồm:

a) Thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam;

b) Thuốc bảo vệ thực vật giả;

c) Thuốc bảo vệ thực vật quá hạn mà không còn giá trị sử dụng;

d) Thuốc bảo vệ thực vật không rõ nguồn gốc;

đ) Thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục được phép sử dụng ở Việt Nam.

Chính phủ quy định cụ thể các loại thuốc bị tiêu huỷ hoặc trả về nơi xuất xứ.

2. Việc tiêu huỷ thuốc, bao bì thuốc bảo vệ thực vật phải theo đúng quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, cơ quan bảo vệ môi trường, chính quyền địa phương giám sát và xác nhận.

3. Thuốc bảo vệ thực vật bị xử lý bằng biện pháp tiêu huỷ hoặc trả về nơi xuất xứ thì tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, buôn bán loại thuốc bảo vệ thực vật đó phải chịu mọi chi phí.

Điều 34.

Việc dự trữ thuốc bảo vệ thực vật được quy định như sau:

1. Ở trung ương, có dự trữ quốc gia về thuốc bảo vệ thực vật;

2. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có dự trữ

địa phương về thuốc bảo vệ thực vật.

Việc lập dự trữ thuốc bảo vệ thực vật, quản lý và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật dự trữ do Chính phủ quy định.

Điều 35.

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục cấm sử dụng; thuốc bảo vệ thực vật giả; thuốc bảo vệ thực vật không rõ nguồn gốc; thuốc bảo vệ thực vật có nhãn hoặc nhãn hiệu không đúng quy định của pháp luật; thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục hạn chế sử dụng và được phép sử dụng ở Việt Nam, trừ trường hợp được phép nhập khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Pháp lệnh này;

2. Nhập khẩu, buôn bán, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng;

3. Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, ngoài danh mục được phép sử dụng, không đúng với nội dung đã đăng ký.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 36.

Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ và kiểm dịch

thực vật bao gồm:

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

3. Tổ chức theo dõi, phát hiện, xác minh sinh vật gây hại tài nguyên thực vật; chỉ đạo việc ngăn chặn, dập tắt dịch gây hại tài nguyên thực vật; quyết định công bố dịch, bãi bỏ quyết định công bố dịch;

4. Tổ chức thực hiện công tác kiểm dịch thực vật;

5. Tổ chức đăng ký, kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

6. Cấp, thu hồi giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới, giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng hoặc chưa có trong danh mục được phép sử dụng, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật, giấy chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, giấy chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng;

7. Tổ chức nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

8. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

9. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

10. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 37.

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên phạm vi cả nước.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc quản lý nhà nước và chỉ đạo hoạt động bảo vệ và kiểm dịch thực vật kết hợp với hoạt động khuyến nông trong phạm vi địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ.

5. Hệ thống chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật được tổ chức từ trung ương đến địa phương. Chính phủ quy định cụ thể tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 38.

Thanh tra về bảo vệ và kiểm dịch thực vật là thanh tra chuyên ngành.

Thanh tra chuyên ngành về bảo vệ và kiểm dịch thực vật có trách nhiệm thanh tra việc chấp hành pháp

luật về phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật, kiểm dịch thực vật, quản lý thuốc bảo vệ thực vật và kiến nghị các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành về bảo vệ và kiểm dịch thực vật do Chính phủ quy định.

Điều 39.

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Cá nhân có quyền tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 40.

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ tài nguyên thực vật, phòng, trừ sinh vật gây hại hoặc có công phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 41.

Người nào có hành vi vi phạm các quy định của Pháp lệnh này, giả mạo giấy phép, giấy chứng nhận, giấy chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 42.

Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng quyền hạn trong việc cấp, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, giấy chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật trái với quy định của pháp luật; thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc thi hành pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; bao che cho người vi phạm hoặc vi phạm những quy định khác của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 43.

Người nào có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật mà gây thiệt hại cho nhà nước, tổ chức, cá nhân thì ngoài việc bị xử lý theo quy định tại

Điều 41 hoặc Điều 42 của Pháp lệnh này còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44.

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

Pháp lệnh này thay thế Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 04 tháng 02 năm 1993.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 45.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2001

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Chủ tịch

NGUYỄN VĂN AN

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
* Lệnh số 11/2001/L-CTN ngày 8-8-2001 của Chủ tịch nước về việc công bố Pháp lệnh	3
* Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật	5
<i>Chương I: Những quy định chung</i>	6
<i>Chương II: Phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật</i>	9
<i>Chương III: Kiểm dịch thực vật</i>	13
<i>Chương IV: Quản lý thuốc bảo vệ thực vật</i>	20
<i>Chương V: Quản lý Nhà nước về bảo vệ và kiểm dịch thực vật</i>	24
<i>Chương VI: Khen thưởng và xử lý vi phạm</i>	27
<i>Chương VII: Điều khoản thi hành</i>	29

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN ĐÌNH NGHIÊM

Biên tập và sửa bản in: NGUYỄN VŨ THANH HẢO

Trình bày, bìa: NGUYỄN PHƯƠNG MAI

In 4.300 bản, khổ 13 x 19cm tại, Nxb. Chính trị quốc gia
Số đăng ký đề tài xuất bản: 533-188/CXB-QLXB, cấp ngày
13-2-2001

In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2001.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
24 Quang Trung - Hà Nội
ĐT: 9422008 FAX: 84-4-9421881

TÌM ĐỌC

- NHỮNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA VÀ CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN
- QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ XUẤT NHẬP KHẨU SẢN PHẨM GỖ VÀ LÂM SẢN

Học viện Quan hệ quốc tế - Bộ Ngoại giao
Nguyễn Trường Giang

- LUẬT VỀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN NƯỚC QUỐC TẾ
(SÁCH THAM KHẢO)

Giá : 2700đ